

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1173/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2018

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Hòa
 2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:

Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 390/2018/TLST-HNGĐ ngày 24.4.2018 về việc tranh chấp Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXX-ST ngày 01.10.2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vĩnh T - SN: 1968
 Địa chỉ: 32/3/3 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.
 Địa chỉ hiện nay: 22 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thúy H - SN: 1969
 Địa chỉ: 32/3/3 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16.4.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn anh Vĩnh T trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Huỳnh Thị Thúy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Q. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên kinh cãi, đôi lúc còn xô xát đánh đập nhau nên không ai quan tâm đến ai và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017, vì vậy chị H đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn vào năm 2017, nhưng sau đó được Tòa án hòa giải nên chị H đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị H rút đơn khởi kiện mâu thuẫn vợ chồng cũng không giải quyết được. Nay anh nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên anh yêu cầu được ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Huyền Tôn Nữ Nhật V, sinh năm 1994 và cháu Bảo L, sinh ngày 03/6/2000 sức khỏe bình thường. Tại thời điểm khởi kiện do cháu L chưa đủ 18 tuổi nên anh yêu cầu giải quyết giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng hiện nay cháu L và cháu V đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại bản khai và các lời khai tiếp theo bị đơn chị Huỳnh Thị Thúy H trình bày:*

Chị thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn như anh T trình bày là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình làm ăn không thuận lợi, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, nên vợ chồng thường hay kinh cãi, đôi lúc còn đánh đập chị nên chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T vào năm 2017. Sau khi được Tòa án hòa giải chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhưng vì cháu L chuẩn bị thi tốt nghiệp phổ thông trung học nên chị H sợ ảnh hưởng đến việc học tập của cháu, do đó chị không đồng ý ly hôn và mong muốn có thêm thời gian để vợ chồng tìm giải pháp hàn gắn tình cảm.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huyền Tôn Nữ Nhật V, sinh năm 1994 và Bảo L, sinh ngày 03/6/2000 sức khỏe bình thường. Hiện nay cháu L và cháu V đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của anh Vĩnh T về việc xin ly hôn chị Huỳnh Thị Thúy H, con chung, tài sản chung không giải quyết; án phí anh T chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Anh T và chị H tự nguyện tìm hiểu đi đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Q, T. Bình Định vào ngày 13.01.1994, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị H theo quy định tại điều 85, 91 Luật HNGĐ, nên vụ án có quan hệ pháp luật ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt các bên đương sự:

Do anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giữ công an thành phố Q, T. Bình Định và có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 23.10.2018, nên căn cứ vào điều 227 BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Chị H đến Tòa viết bản khai nhưng né tránh không đến Tòa hòa giải cũng như xét xử, đây là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị H kết hôn tại UBND phường H, thành phố Q, T. Bình Định vào ngày 13.01.1994, sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên kinh cãi, đôi lúc còn xô xát đánh đập nhau nên không ai quan tâm đến ai và vợ chồng đã sống ly thân, vì vậy chị H đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn vào năm 2017, nhưng sau đó được Tòa án hòa giải nên chị H đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị H rút đơn khởi kiện mâu thuẫn vợ chồng cũng không giải quyết được; còn chị H cho rằng nguyên nhân mâu

thuần do kinh tế gia đình làm ăn không thuận lợi, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, nên vợ chồng thường hay kinh cãi, đôi lúc còn đánh đập chị nên chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T vào năm 2017. Sau khi được Tòa án hòa giải chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng vẫn không hàn gắn được, nay anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

Tòa xét:

Vợ chồng anh T, chị H thời gian mâu thuẫn đã lâu, năm 2017 chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T sau đó rút đơn về để hàn gắn nhưng không được và anh T lại làm đơn xin ly hôn tiếp vào tháng 4.2018. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh chị sống ly thân một thời gian dài, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn. Mặt khác, chị H không đến Tòa hòa giải, điều đó chứng tỏ chị H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, anh T xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Huyền Tôn Nữ Nhật V, sinh năm 1994 và cháu Bảo L, sinh ngày 03/6/2000 sức khỏe hai cháu bình thường, tại thời điểm xét xử 2 cháu đã trưởng thành. Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa giải quyết, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Tòa không xem xét giải quyết

[2.3] Về quan hệ tài sản chung:

Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa giải quyết, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Tòa không xem xét giải quyết

Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q, T. Bình Định tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 và Điều 227 BLTTDS- 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho anh Vĩnh T ly hôn chị Huỳnh Thị Thúy H

2. Về quan hệ con chung:

Anh Vĩnh T và chị Huỳnh Thị Thúy H thống nhất quá trình chung sống có 02 con chung: cháu Huyền Tôn Nữ Nhật V, sinh năm 1994 và cháu Bảo L, sinh ngày 03/6/2000 sức khỏe hai cháu bình thường. Hiện nay hai cháu đều trưởng thành; không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST:

Anh Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006327 ngày 24.4.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Anh T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Trần Đông Thiên

